

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 01 - 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Trần Hà Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GT tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2019 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/12/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K; sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố LT, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị H; sinh năm 1992; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố LT, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND; tạm trú: Xóm 24 xã GT1, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2019, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Đinh Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND cấp

giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/01/2014. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nghi ngờ anh không chung thủy nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2015 cho tới nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống với nhau được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị H.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2019, bị đơn chị Đinh Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh K ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2015 cho tới nay. Nay anh K có đơn ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Như Qu sinh ngày 27/7/2014, hiện đang ở với chị H. Nay ly hôn, anh K và chị H đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 31/12/2019, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở tổ dân phố LT, thị trấn QL cung cấp: anh K và chị H được UBND thị trấn QL cấp giấy chứng nhận kết hôn, có tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương và đã có 01 con chung là Nguyễn Thị Như Qu, sinh ngày 27/7/2016. Sau kết hôn khoảng hai năm, anh K đi lao động tại Đài Loan nên chị H và cháu Qu về quê ngoại tại xã GT1 sinh sống từ đó cho tới nay. Nay anh K có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Văn K ly hôn chị Đinh Thị H; tiếp tục giao con chung là Nguyễn Thị Như Qu, sinh ngày 27/7/2014 cho chị H nuôi dưỡng và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với chị Đinh Thị H; nơi ĐKKHTT: Tổ dân phố LT, thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND; tạm trú: Xóm 24 xã GT1, huyện GT, tỉnh ND. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh ND.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Đinh Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn QL, huyện GT, tỉnh ND vào ngày 06/01/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh K ngoại tình nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2015 cho tới nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Anh K có đơn ly hôn, chị H đồng ý; vì vậy chấp nhận nguyện vọng của đương sự.

[3] Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của các đương sự và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu Nguyễn Thị Như Qu; xét thấy cháu Qu còn nhỏ, đang ở với mẹ nên tiếp tục giao cháu Quỳnh cho chị H nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nhưng anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; anh K, chị H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Đinh Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Như Qu; sinh ngày 27/7/2014 cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn K phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh K đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001172 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh ND; nay đối trừ, anh K đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Anh K, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ND;
- VKSND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- UBND thị trấn QL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

